

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG KIỂM TRA THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH BÓNG ĐÁ NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT ĐÀ NẴNG

ThS. Lê Thị Kim Loan, TS. Võ Văn Quyết

Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng

Email: voquyetbd@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao (HLTT) tại Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá khoa học, định lượng nhằm nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích tổng hợp tài liệu, tọa đàm, điều tra, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm và toán học thống kê; khảo sát thực trạng trên 240 sinh viên thuộc 3 khóa (ĐH18, ĐH17, ĐH16) với 18 nội dung kiểm tra kỹ thuật và thể lực theo từng học phần từ năm thứ nhất đến năm thứ ba. Kết quả cho thấy nội dung kiểm tra hiện hành chủ yếu dựa trên ước lượng, chưa có tiêu chuẩn định lượng cụ thể; đề tài đã xây dựng bảng tiêu chuẩn phân loại theo phương pháp độ lệch chuẩn $\pm 1,28\delta$, bảng điểm đánh giá chi tiết từng nội dung kỹ thuật - thể lực theo học phần (nam/nữ) và bảng điểm đánh giá tổng hợp trình độ kỹ thuật - thể lực. Hệ thống tiêu chuẩn và bảng điểm được xây dựng đảm bảo tính khoa học, khả thi, có giá trị ứng dụng cao trong công tác kiểm tra, đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên chuyên ngành Bóng đá.

Từ khóa: thực trạng, tiêu chuẩn đánh giá, nội dung kiểm tra, sinh viên chuyên ngành bóng đá,

Abstract: The study aims to evaluate the current status of the final exam content for students majoring in Football within the Sports Training major at Danang Sport University, and to develop scientific, quantitative assessment standards to improve the quality of examination and evaluation of learning outcomes. Research methods included document analysis and synthesis, seminars, surveys, pedagogical observation, pedagogical testing, and mathematical statistics. The current status was surveyed on 240 students from three cohorts (K18, K17, K16) using 18 technical and physical fitness test items across learning modules from the first to the third year. Results showed that the existing examination content mainly relied on estimation and lacked specific quantitative standards. The study developed classification standards using the $\pm 1.28\delta$ standard deviation method, detailed scoring tables for each technical and physical fitness item by module (for male and female students), and a comprehensive scoring table for overall technical and physical fitness levels. The constructed standards and scoring tables are scientifically sound, feasible, and highly applicable in the examination, assessment, and improvement of training quality for students majoring in Football.

Keywords: current situation, evaluation standards, test content, football major students,

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước yêu cầu đảm bảo chất lượng chuẩn đầu ra của sinh viên chuyên ngành môn bóng đá ngành HLTT và quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo về cải tiến chương trình đào tạo, chương trình môn học, công tác kiểm tra và đánh giá... Vì vậy, chúng ta phải có trách nhiệm nghiên cứu xây dựng nội dung kiểm tra và đánh giá môn học trong đó có môn chuyên ngành bóng đá ngành HLTT, nhằm đánh giá quá trình đào tạo và trang bị kiến thức chuyên môn làm hành trang cho sinh viên tốt nghiệp ra trường đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của xã hội.

Những năm gần đây, công tác nghiên cứu khoa học của trường Đại học TDTT Đà Nẵng không ngừng phát triển và ứng dụng những tiến bộ khoa học; cải tiến chương trình đào tạo, chương trình môn học, đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo trong tình hình mới. Với mục đích, đổi mới về công tác đào tạo cán bộ TDTT cho nên việc nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Công việc này phải được tiến hành thường xuyên và phải thực hiện ngay ở từng môn học trong quá trình giảng dạy về đổi mới nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... một cách khoa học phù hợp với thực tiễn để đáp ứng nhu cầu xã hội ngày càng phát triển.

Vì vậy, đề tài tiến hành nghiên cứu: *“Đánh giá thực trạng và xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành bóng đá ngành Huấn luyện thể thao, trường Đại học TDTT Đà Nẵng”*. Đây là cơ sở khoa học và căn cứ để đề tài tiến hành xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho đối tượng nghiên cứu.

Để giải quyết các nhiệm vụ, bài viết đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; tọa đàm, điều tra; quan sát sự phạm; kiểm tra sự phạm; toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đánh giá thực trạng nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT, trường Đại học TDTT Đà Nẵng

1.1. Đánh giá thực trạng chương trình môn học sinh viên chuyên sâu Bóng đá ngành HLTT, trường Đại học TDTT Đà Nẵng

1.1.1. Thực trạng chương trình đào tạo ngành HLTT

Để đánh giá thực trạng, đề tài tiến hành tổng hợp Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành HLTT năm 2023, về phân phối số giờ và số tín chỉ của môn thể thao chuyên ngành [3]. Kết quả được trình bày ở bảng 1, cụ thể như sau:

Bảng 1. Thực trạng chương trình đào tạo ngành HLTT Trường Đại học TDTT Đà Nẵng (năm 2023)

TT	Học phần	Số tín chỉ	Hình thức giảng dạy				Tổng
			Lý thuyết	Thực hành	Thực tế cơ sở	Tự học	
1	Thể thao chuyên ngành 1	03	15	56	0	75	75
2	Thể thao chuyên ngành 2	03	15	56	0	75	75
3	Thể thao chuyên ngành 3	03	15	54	06	75	75
4	Thể thao chuyên ngành 4	03	15	52	08	75	75

5	Thể thao chuyên ngành 5	03	15	50	10	75	75
6	Thể thao chuyên ngành 6	03	15	50	10	75	75
7	Tổng cộng	18	90	350	34	450	450

Qua bảng 1 cho thấy: CTĐT năm 2023 môn Thể thao chuyên ngành được phân bổ trong 06 học phần; mỗi học phần có 15 giờ lý thuyết, số giờ thực hành của từng học phần được phân bổ từ 50-56 giờ, số giờ thực tế được bắt đầu từ học phần 3 có từ 06-10 giờ và tự học là 75 giờ/học phần, tổng số giờ của 06 học phần thể thao chuyên ngành là 450 giờ. Qua đó cho thấy, Khoa HLTT đã căn cứ vào qui định đào tạo tín chỉ của nhà trường là đối với thực hành 30 giờ/01 tín chỉ và lý thuyết là 15giờ/01 tín chỉ và đã xây dựng CTĐT thành công ứng dụng vào giảng dạy bắt đầu từ năm học 2023-2024.

1.1.2. Thực trạng chương trình môn học chuyên ngành bóng đá ngành HLTT

Căn cứ vào CTĐT của Khoa HLTT, nhà trường như trên mục 1.1.1. Bộ môn Bóng đá tiến hành xây dựng và phân phối thời gian cụ thể về Chương trình môn học (CTMH) theo từng học phần, học kì. Kết quả được trình bày ở bảng 1 và 2.

Bảng 2. Phân phối thời gian chương trình môn học chung.

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN		
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	TỔNG
		Từ HK 1 đến HK 3	Từ HK 4 đến HK 6	
1.	Lý thuyết (Tiết)	45	45	90
2	Thực hành (Tiết)	175	175	350
3	Kiểm tra (Tiết)	18	18	36
4	Thực tế (Tiết)	06	28	34
5	Tín chỉ	09	09	18

Qua bảng 1 và 2 cho thấy: Bộ môn đã căn cứ vào CTĐT của Khoa HLTT, nhà trường và đã có sự phân phối giờ dạy từng nội dung trong CTMH cụ thể về các thành phần theo quy định của từng học phần và chia thành 02 giai đoạn trong quá trình giảng dạy, có đầy đủ nội dung và phương pháp giảng dạy, thực tập, phương pháp trọng tài, kiểm tra, thực tế, theo quy định của CTĐT.

1.2. Đánh giá thực trạng các nội dung kiểm tra đánh giá thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

Đề tài tiến hành tổng hợp các nội dung thi kết thúc thực hành về kỹ thuật và thể lực trong quá trình kiểm tra đánh giá từng học phần cho sinh viên cả nam và nữ (từ học phần 01- 06) theo Đề cương môn học (ĐCMH) của giảng viên trong bộ môn biên soạn.

Qua quá trình tổng hợp cho thấy: giảng viên bộ môn đã căn cứ vào chương trình môn học, đề cương môn học và hoàn thành các nội dung kiểm tra đánh giá cụ thể theo từng học phần từ học phần 01 đến học phần 06, có thang điểm và xếp loại rõ ràng. Tuy nhiên, số liệu của từng nội dung kiểm tra và đánh giá chưa theo một tiêu chuẩn cụ thể, vẫn còn mang tính ước lượng là chính, chưa căn cứ vào thành tích chung của từng nội dung để xây dựng một tiêu chuẩn kiểm tra có tính khoa học định lượng để đánh giá chính xác của từng nội dung về kỹ thuật và thể lực theo từng học phần trong quá trình kiểm tra quá trình giảng dạy và đào tạo cho sinh viên chuyên ngành bóng đá ngành HLTT Trường ĐH TDTT Đà Nẵng.

2. Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

2.1. Đánh giá thực trạng các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

Để đánh giá thực trạng các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành bóng đá ngành HLTT, bắt buộc phải kiểm chứng các nội dung (test) kiểm tra có tính khoa học và đáp ứng đầy đủ tính thông báo và độ tin cậy. Tuy nhiên, trong Đề cương và chương trình môn học các nội dung kiểm tra đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực từng học phần theo đề cương môn học từ học phần 1 đến học phần 6 như trình bày mục 1.2 đã được tập thể giảng viên bộ môn hội thảo, trao đổi và kiểm nghiệm ứng dụng trong quá trình kiểm tra, đánh giá từng học phần cho sinh viên, đặc biệt đã được Hội đồng khoa học nhà trường và khoa HLTT thông qua. Vì vậy, đề tài không tiến hành kiểm chứng các nội dung (test) kiểm tra nữa mà chỉ tiến hành tiến hành kiểm tra hiện trạng với mẫu lớn với 240 sinh viên gồm 03 khóa Đại học 18, 17, 16 đang học tập tại trường với các nội dung thi kết thúc học phần về kỹ thuật và thể lực của sinh viên theo từng năm học (từ học phần 01 đến học phần 06 hay từ năm học thứ nhất đến hết năm học thứ ba) của sinh viên chuyên ngành bóng đá.

Số liệu thành tích ở các nội dung kiểm tra về kỹ thuật và thể lực của sinh viên được phân bố khá đồng đều ($C_v < 10\%$) và giá trị trung bình tìm được ở mẫu khảo sát có tính đại diện cho số trung bình tổng thể ($\epsilon < 0.05$). Đây là điều kiện quan trọng cho phép sử dụng \bar{x} ước lượng giá trị trung bình tổng thể đối tượng nghiên cứu.

Để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá, theo lý thuyết đo lường, trước hết cần phải kiểm định tính phân bố chuẩn của các số liệu. Kết quả kiểm định dựa trên quy tắc $\pm 2\delta$ cho thấy, các số liệu ở các nội dung đều thuộc dạng phân bố chuẩn hoặc gần chuẩn (92% - 97% số liệu ở từng nội dung đều nằm trong khoảng $\bar{x} - 2\delta$ đến $\bar{x} + 2\delta$, hay 3% - 8% số liệu nằm ngoài khoảng đó). Với kết quả này, cho phép đề tài xây dựng tiêu chuẩn đánh giá của các nội dung kiểm tra nêu trên dựa vào các thang chuẩn.

2.2. Xây dựng tiêu chuẩn và bảng điểm đánh giá trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

2.2.1 Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

Quá trình kiểm tra hiện trạng thành tích các nội dung thi kết thúc học phần trên đối tượng nghiên cứu được tiến hành ở các năm học mục 2.1 (tổng số 240 sinh viên chuyên ngành bóng đá các khóa Đại học 18, 17, 16 cho cả 03 năm học). Kết quả kiểm tra sự phạm với giá trị trung bình và độ lệch chuẩn như đã trình bày ở các bảng 3, 4, 5.

Phương pháp đánh giá phân loại hay còn gọi là phương pháp độ lệch chuẩn, là phương pháp dùng số trung bình cộng của mẫu điều tra (\bar{x}) làm giá trị chuẩn, lấy độ lệch chuẩn (δ) làm khoảng cách ly tán để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ sinh viên, VĐV. Có nhiều cách xây dựng tiêu chuẩn đánh giá phân loại, nhưng đề tài đã phân loại theo phương thức $\pm 1,28 \delta$ để đánh giá, bởi phân loại theo cách này có ưu điểm là các loại được phân bố đồng đều hơn và loại trung bình chỉ ở mức 50% mà thôi (bảng 3).

Bảng 3. Tỷ lệ giữa các loại phân theo phương thức $\pm 1,28\delta$.

Tiêu chuẩn phân loại	Đánh giá	Tỷ lệ %
Trên $\bar{X} + 1,28\delta$	Tốt	10
$\bar{X} + 0,67\delta + \Delta \sim \bar{X} + 1,28\delta$	Khá	15
$\bar{X} - 0,67\delta \sim \bar{X} + 0,67\delta$	Trung bình	50
$\bar{X} - 1,28\delta \sim \bar{X} - 0,67\delta - \Delta$	Yếu	15
Dưới $\bar{X} - 1,28\delta$	Kém	10

Ghi chú: - Δ : là đơn vị nhỏ nhất để phân biệt với mức khá và yếu.

- Nếu số đo càng ít càng tốt, tiêu chuẩn phân loại theo chiều ngược lại.

Bằng cách đó, đề tài phân loại trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng từ học phần 01 đến học phần 06 (học kì 1 đến học kì 6). Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Bảng tiêu chuẩn phân loại các nội dung kiểm tra đánh giá trình độ học phần 1-6 (HK1 – HK6)

Học phần	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Xếp loại				
			Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Giỏi
Kết thúc HP1	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn 2x2m (q)	Nữ	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
	Ném biên (m)	Nữ	≤ 8.71	8.72 - 9.32	9.33 - 10.67	10.68 - 11.28	≥ 11.29
		Nam	≤ 13.07	13.08 - 13.99	14.0 - 16.0	16.01 - 16.92	≥ 16.93
	Nữ chạy 800m (phút)	Nữ	≥ 3.65	3.64 - 3.47	3.46 - 3.06	3.05 - 2.88	≤ 2.87
	Nam chạy 1500m (p)	Nam	≥ 6.02	6.01 - 5.76	5.77 - 5.23	5.22 - 4.99	≤ 4.98
Kết thúc HP2	Khống chế bóng (đ)	Nữ	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
	Chuyền chuẩn vào cầu môn 2x2m (q)	Nữ	≤ 2.45	2.44 - 3.67	3.66 - 6.34	6.35 - 7.56	≥ 7.56
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
	Ke bụng thang dóng (l)	Nữ	≤ 9.43	9.44 - 11.65	11.66 - 13.34	13.35 - 14.56	≥ 14.57
		Nam	≤ 16.43	16.44 - 18.65	18.66 - 21.34	21.35 - 22.56	≥ 22.57
Kết thúc HP3	Đá bóng xa (m)	Nữ	≤ 58.35	58.36 - 61.64	61.65 - 68.35	68.36 - 71.64	≥ 71.65
		Nam	≤ 68.5	68.6 - 71.64	71.65 - 78.35	78.36 - 81.40	≥ 81.41
	Tại chỗ đánh đầu trần giữa (m)	Nữ	≤ 4.37	4.38 - 5.29	5.30 - 7.30	7.31 - 8.22	≥ 8.23
		Nam	≤ 8.71	8.72 - 9.32	9.33 - 10.67	10.68 - 11.28	≥ 11.29
	Chạy 100m (s)	Nữ	≥ 16.19	16.18 - 16.01	16.00 - 15.60	15.59 - 15.42	≤ 15.41
		Nam	≥ 14.07	14.06 - 13.94	13.93 - 13.67	13.68 - 13.54	≤ 13.53
Kết thúc HP4	Chuyền chuẩn bóng động vào cầu môn 2x2m	Nữ	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
	Dẫn bóng luồn cọc (s)	Nữ	≥ 13.31	13.30 - 13.05	13.04 - 12.56	12.55 - 12.30	≤ 12.29
		Nam	≥ 6.72	6.71 - 6.48	6.47 - 5.93	5.92 - 5.69	≤ 5.68
	Di chuyển tổng hợp trong tam giác (s)	Nữ	≥ 33.56	33.55 - 32.73	32.72 - 30.90	30.89 - 30.07	≤ 30.06
		Nam	≥ 22.95	22.94 - 21.55	21.54 - 18.46	18.45 - 17.06	≤ 17.05

Kết thúc HP5	Chạy đà bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa (m)	Nữ	≤ 9.30	9.31 – 10.58	10.59 – 13.41	13.42 - 14.69	≥ 14.70
		Nam	≤ 10.05	10.06 – 11.45	11.46 – 14.54	14.55 - 15.94	≥ 15.95
	Sút bóng bằng mu giữa bàn chân (q)	Nữ	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
Chạy 5 x 30m (s)	Nữ	≥ 25.26	25.25 – 25.04	25.03 - 24.57	24.56 - 24.35	≤ 24.34	
	Nam	≥ 22.19	22.18 – 22.01	22.0 - 21.60	21.59 - 21.42	≤ 21.41	
Kết thúc HP6	Đá bóng từ 5m50 (nam), nữ 16m50 vào vòng tròn trung tâm (quả)	Nữ	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
		Nam	≤ 3.33	3.34 - 4.65	4.66 - 7.34	7.35 - 8.56	≥ 8.57
	Dẫn bóng 30m dọc biên chuyển vào khu vực 5m50 (s)	Nữ	≥ 10.56	10.55 – 9.40	9.39 - 6.85	6.84 - 5.69	≤ 5.68
		Nam	≥ 8.31	8.30 – 7.53	7.52 - 4.72	4.71 - 3.94	≤ 3.93
	Chạy Cooper (m)	Nữ	≤ 2.498	2.499 – 2.522	2.523 – 2.577	2.578 - 2.601	≥ 2.602
		Nam	≤ 2.711	2.712 – 2.729	2.730 – 2.770	2.771 - 2.788	≥ 2.789

Kết quả thu được qua bảng 4 như trên rất thuận tiện cho giảng viên bộ môn sử dụng trong việc đánh giá, phân loại trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao - Trường Đại học TDTT Đà Nẵng về hiệu quả của từng nội dung kiểm tra kết thúc học phần, đồng thời nhằm phục vụ cho công tác đối chiếu, tham khảo trong thực tiễn giảng dạy, huấn luyện và kiểm tra kết thúc học phần cho sinh viên.

2.2.2. Xây dựng bảng điểm đánh giá trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành HLTT

Trong quá trình giảng dạy, bảng điểm đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực được xem như biện pháp quan trọng để giảng viên có căn cứ đánh giá năng lực, trình độ của sinh viên. Trên cơ sở đó giảng viên có thể điều khiển, điều chỉnh quá trình tập luyện hoặc có thể dùng để phân tích năng lực của sinh viên trong quá trình tập luyện sao cho phù hợp với yêu cầu của giai đoạn giảng dạy.

Căn cứ vào thành tích và bảng tiêu chuẩn phân loại các nội dung đánh giá trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực của nam và nữ sinh viên chuyên ngành bóng đá ngành HLTT, Trường ĐH TDTT Đà Nẵng trình bày ở bảng 7. Đề tài, tiến hành xây dựng bảng điểm đánh giá các nội dung về trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực của nam và nữ sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT, Trường ĐH TDTT Đà Nẵng từ năm thứ nhất đến năm học thứ ba theo từng học phần cụ thể. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Bảng điểm đánh giá trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần 01 đến học phần 6 (HK1-HK6) sinh viên chuyên ngành Bóng đá

Học phần	Nội dung kiểm tra	Giới tính	Điểm									
			Kém		Yếu		Trung bình		Khá		Giỏi	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Kết thúc HP1	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn 2x2m (q)	Nữ	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0	7.0	8.0	9.0	10	10
		Nam	2.0	3.0	4.0	5.0	6.0	7.0	8.0	9.0	10	10
	Ném biên (m)	Nữ	6.0	7.0	8.0	9.0	10.0	10.50	11.0	11.50	12.0	12.50
		Nam	12.0	12.75	13.50	14.25	15.0	15.75	16.50	17.25	18.0	18.75
	Nữ chạy 800m (phút)	Nữ	3.86	3.71	3.56	3.41	3.26	3.11	2.96	2.81	2.36	2.21
	Nam chạy 1500m (p)	Nam	6.30	6.10	5.90	5.70	5.50	5.30	5.10	4.90	4.70	4.50

Kết thúc HP2	Khống chế bóng (điểm)	Nữ	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
		Nam	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
	Chuyển chuẩn vào cầu môn 2x2m (quả)	Nữ	1,0	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10
		Nam	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
	Ke bụng thang dóng (lần)	Nữ	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	17
		Nam	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	25
Kết thúc HP3	Đá bóng xa (m)	Nữ	55,00	57,50	60,00	62,50	65,00	67,50	70,00	72,50	75,00	77,50	
		Nam	65,00	67,50	70,00	72,50	75,00	77,50	80,00	82,50	85,00	87,50	
	Tại chỗ đánh đầu trán giữa (m)	Nữ	3,30	4,05	4,80	5,55	6,30	7,05	7,08	8,55	9,30	10,05	
		Nam	8,00	8,50	9,00	9,50	10,0	10,50	11,0	11,50	12,0	12,50	
	Chạy 100m (s)	Nữ	16,40	16,25	16,10	15,95	15,80	15,65	15,50	15,35	15,20	15,05	
		Nam	14,20	14,10	14,00	13,90	13,80	13,70	13,60	13,50	13,40	13,30	
Kết thúc HP4	Chuyển chuẩn bóng động vào cầu môn 2x2m (q)	Nữ	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
		Nam	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
	Dẫn bóng luồn cọc (s)	Nữ	13,50	13,32	13,15	12,97	12,80	12,62	12,45	12,27	12,10	11,92	
		Nam	7,00	6,80	6,60	6,40	6,20	6,00	5,80	5,60	5,40	5,20	
	Di chuyển tổng hợp trong tam giác (s)	Nữ	34,53	33,85	33,17	32,49	31,81	31,13	30,45	29,77	29,09	28,41	
		Nam	24,60	23,45	22,30	21,15	20,00	18,85	17,70	16,55	15,40	14,25	
Kết thúc HP5	Chạy đà bật nhảy đánh đầu bằng trán giữa (m)	Nữ	7,80	8,85	9,90	10,95	12,00	13,05	14,10	15,15	16,20	17,25	
		Nam	8,40	9,55	10,70	11,85	13,00	14,15	15,30	16,45	17,60	18,75	
	Sút bóng bằng mu giữa bàn chân (q)	Nữ	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
		Nam	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
	Chạy 5 x 30m (s)	Nữ	25,5	25,32	25,15	24,97	24,80	24,62	24,45	24,27	24,10	23,92	
		Nam	22,40	22,25	22,10	21,95	21,80	21,65	21,50	21,35	21,20	21,05	
Kết thúc HP6	Đá bóng từ 5m50 (nam), nữ 16m50 vào vòng tròn trung tâm (q)	Nữ	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
		Nam	2,0	3,0	4,0	5,0	6,0	7,0	8,0	9,0	10	10	
	Dẫn bóng 30m dọc biên chuyển vào khu vực 5m50 (s)	Nữ	11,92	10,97	10,02	9,07	8,12	7,17	6,22	5,27	4,32	3,37	
		Nam	9,52	8,67	7,82	6,97	6,12	5,27	4,42	3,57	2,72	1,87	
	Chạy Cooper (m)	Nữ	2420	2440	2460	2480	2500	2520	2540	2560	2580	2600	
		Nam	2700	2715	2720	2735	2750	2765	2780	2795	3010	3025	

Qua bảng 5 cho thấy: bảng điểm kiểm tra và đánh giá trình độ các nội dung thi kết thúc học phần được xây dựng như trên rất thuận tiện cho việc sử dụng để đánh giá, xếp loại từng các nội dung về kỹ thuật và thể lực trong quá trình kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao.

Tuy nhiên, giảng viên khi sử dụng bảng điểm này cần phải tuân thủ theo quy trình gồm 03 bước sau đây:

Bước 1: Xác định đối tượng sinh viên đang học tập thuộc học phần mấy, năm thứ mấy để tìm đúng bảng tiêu chuẩn phân loại tương quan giữa học phần/năm học đó.

Bước 2: Xác định các nội dung cần tra cứu, đánh giá.

Bước 3: Áp kết quả kiểm tra từng nội dung vào bảng phân loại tương ứng.

2.2.3. Xây dựng bảng điểm tổng hợp kiểm tra, đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực cho sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT

Từ kết quả nghiên cứu ở mục 2.2.1 và 2.2.2, với mục đích để kiểm tra, đánh giá trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT - Trường ĐH TDTT Đà Nẵng qua 18 nội dung thuộc 06 học phần (từ học phần 01 đến học phần 06 hay từ năm thứ nhất đến hết năm thứ 3) về các nội dung kiểm tra kỹ thuật và thể lực. Mỗi học phần có 03 nội dung (02 nội dung kỹ thuật và 01 nội dung thể lực). Giá trị tối đa mỗi nội dung là 10 điểm nên tổng điểm đạt được của 03 nội dung này tối đa 30 điểm/01 học phần. Tuy nhiên, để đạt được tổng điểm tối đa ở tất cả các nội dung là công việc thật sự khó khăn.

Kết quả nghiên cứu ở bảng 4 và 5 cho phép phân loại trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực theo điểm của từng nội dung và hệ thống chỉ tiêu, việc đó rất cần thiết với các giảng viên và các sinh viên sử dụng để đánh giá kỹ thuật và thể lực trong thực tiễn. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là phải có sự đánh giá tổng hợp về trình độ kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT nói chung mà không phải theo từng nội dung (chỉ tiêu) riêng biệt. Do đó mục 2.2.3 đặt ra yêu cầu cần phải trả lời là sinh viên được tổng điểm bao nhiêu thì đạt loại tốt? loại khá? loại trung bình? loại yếu? loại kém thì đạt bao nhiêu điểm?.

Đây là vấn đề mà đề tài phải giải quyết, cách tiến hành như sau: Lấy số liệu ở bảng điểm đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực và sau đó tổng hợp lại.

Kết quả phân loại điểm tổng hợp đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực theo từng học phần/học kì, được trình bày ở bảng 6

Bảng 6. Bảng điểm đánh giá tổng hợp trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT

ĐÁNH GIÁ	TỔNG ĐIỂM
Tốt	> 09
Khá	07 – 08
Trung bình	05 – 06
Yếu	03 – 04
Kém	< 02

Để đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT - Trường ĐH TDTT Đà Nẵng theo các học phần/học kì hay năm học cần thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xác định đối tượng sinh viên thuộc năm thứ mấy.

Bước 2: Tính điểm đạt được ở các nội dung kiểm tra của từng sinh viên.

Bước 3: Tính tổng điểm của các nội dung kiểm tra sau đó đối chiếu với kết quả tổng hợp ở bảng 1.11 để xác định trình độ kỹ thuật và thể lực đạt được.

Thực tiễn chứng minh rằng, không phải sinh viên nào cũng có năng lực hay thành tích tốt ở tất cả các nội dung kiểm tra. Chính vì vậy, để đạt được tổng điểm cuối cùng không nhất thiết phải đạt số điểm như nhau ở từng nội dung kiểm tra mà có thể lấy điểm trung bình cho tất cả các nội dung kiểm tra khác.

2.2.4. Kiểm nghiệm tiêu chuẩn đánh giá trình độ các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần của sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao - trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Để kiểm nghiệm mang tính khoa học và giá trị sử dụng của các tiêu chuẩn đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT trường ĐH TDTT Đà Nẵng đã được xây dựng và kiểm chứng. Đề tài kiểm nghiệm và đánh giá lại thành tích các nội dung thi học phần trên 240 sinh viên các khóa ĐH 18, ĐH17, ĐH16 được trình bày từ bảng 1.5, 1.6, 1.7 (trong đó ĐH 18 gồm 100 sinh viên, ĐH 17 có 80 sinh viên và ĐH 16 có 60 sinh viên) theo từng học phần, học kì năm học với 18 nội dung. Sau đó quy ra điểm theo từng nội dung thành phần cũng như tổng điểm đã trình bày ở bảng 6 rồi đối chiếu với điểm thực hành của sinh viên. Kết quả nghiên cứu trình bày ở bảng 7.

Bảng 7. Bảng đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT từ năm thứ nhất đến năm thứ ba.

Phân loại Đối tượng	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Kém	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Năm thứ nhất (n=100)	16	16.00	36	36.00	40	40.00	08	8.00	00	0.00
Năm thứ hai (n= 80)	15	18.75	27	33.75	36	45.00	02	2.50	00	0.00
Năm thứ ba (n= 60)	17	28.33	18	30.00	24	40.00	01	1.67	00	0.00

Qua bảng 7 cho thấy: sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT các khóa có điểm thi, kiểm tra thực hành môn chuyên ngành chủ yếu ở mức trung bình (40% - 45%) và khá (30% - 36%), tỷ lệ số sinh viên đạt điểm tốt (16% - 28%) nhiều hơn yếu (1.67% - 8%). Điều này, chứng tỏ tổng điểm tối đa theo phương pháp mà đề tài nghiên cứu xây dựng đã phản ánh được trình độ kỹ thuật và thể lực của sinh viên chuyên ngành bóng đá các khóa (các khóa có thời gian học tập nhiều hơn có thành tích tốt hơn khóa mới).

Từ kết quả kiểm chứng trên cho thấy: toàn bộ 18 nội dung và tiêu chuẩn, chuẩn điểm mà đề tài nghiên cứu xây dựng đảm bảo tính khoa học, có tính khả thi cho phép sử dụng làm cơ sở kiểm tra, đánh giá trình độ kỹ thuật và thể lực theo từng học phần/học kì cho nam sinh viên chuyên ngành bóng đá, ngành HLTT trường ĐH TDTT Đà Nẵng.

KẾT LUẬN

Bài viết đã đánh giá thực trạng nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần theo từng học phần/học kì. Tuy nhiên, số liệu của từng nội dung kiểm tra và đánh giá chưa theo một tiêu chuẩn cụ thể, vẫn còn mang tính ước lượng là chính, chưa căn cứ vào thành tích chung của từng nội dung để xây dựng một tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá cho chính xác một cách khoa học của từng nội dung theo từng học phần.

Bài viết đã kiểm tra hiện trạng với mẫu lớn 240 sinh viên về thành tích các nội dung thi kết thúc từ học phần 01 đến học phần 06; đã xây dựng được 01 bảng tiêu chuẩn phân loại, 01 bảng điểm đánh giá, xếp loại từng các nội dung kiểm tra thi kết thúc học phần cho sinh viên chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao tại trường ĐH TDTT Đà Nẵng.

Bài viết đã xây dựng được 01 điểm đánh giá tổng hợp trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực và 01 bảng trình độ tập luyện kỹ thuật và thể lực từ năm nhất đến năm ba của sinh viên chuyên ngành bóng đá ngành Huấn luyện thể thao trường ĐH TDTT Đà Nẵng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tuấn Anh và cộng sự (2021), *Nghiên cứu cải tiến chương trình đào tạo cử nhân ngành HLTT trường Đại học thể dục thể thao Đà Nẵng đáp ứng nhu cầu xã hội*. Đề tài cấp cơ sở.
- [2]. Dương Nghiệp Chí và cộng sự (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
- [3]. Đại học TDTT Đà Nẵng (2023), *Chương trình đào tạo Huấn luyện viên thể thao*, theo Quyết định số 881/QĐ-ĐHTDTTĐN ngày 25 tháng 8 năm 2023, của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng.
- [4]. Võ Văn Quyết và cộng sự (2023), *Nghiên cứu cải tiến nội dung chương trình môn học chuyên ngành Bóng đá ngành Huấn luyện thể thao đáp ứng yêu cầu xã hội*, Đề tài NCKH cấp cơ sở.
- [5]. Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Kim Minh, Trần Quốc Tuấn (2003), *Tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện trong tuyển chọn và huấn luyện thể thao*, Viện KHTDTT.

Bài nộp ngày 15/9/2025, phản biện ngày 18/03/2026, duyệt in ngày 25/03/2026